

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục giảm điểm khi mở cửa phiên sáng. Khi giảm xuống ngưỡng 1,630 (tương đương Fibonacci 0.236), lực cầu bắt đáy tại đây giúp chỉ số hồi phục đến khi gặp ngưỡng 1,690 (tương đương Fibonacci 0.5) thì chững lại. Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại mốc 1,679.18 điểm, tăng hơn 33 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 18/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Dầu khí tiếp tục tăng mạnh hơn 5%, theo sau là ngành Bán lẻ, Du lịch và giải trí,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên hai sàn còn lại. Trong những phiên tới, thị trường cần thu hẹp biên độ dao động và tìm điểm cân bằng mới trong vùng 1,630 – 1,690.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 16/12/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+33.17** điểm, đóng cửa tại **1679.18** điểm. HNX-Index **+5.71** điểm, đóng cửa tại **255.08** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VPL (+2.46)**, **VHM (+2.46)**, **HDB (+2.02)**, **TCB (+1.71)**, **CTG (+1.68)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCK (-2.70)**, **DGC (-0.54)**, **GEE (-0.38)**, **BCM (-0.12)**, **KOS (-0.10)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **22,505** tỷ đồng, tăng **41.60%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 25,276 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 59.7 điểm. Thị trường có **253** mã tăng, 51 mã tham chiếu, **66** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **5.91** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **TCX (147.05 tỷ)**, **MWG (113.27 tỷ)**, **VIX (85.75 tỷ)**, **BSR (83.15 tỷ)**, **SSI (79.58 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-35.84** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+2.67%**. Các mã diễn biến tích cực:
HDB (+7.00%) [\(Link báo cáo\)](#)
BSR (+6.94%) [\(Link báo cáo\)](#)
KDH (+6.76%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+2.72%**. Các mã diễn biến tích cực:
GEX (+6.96%) [\(Link báo cáo\)](#)
EIB (+6.95%) [\(Link báo cáo\)](#)
PVD (+6.82%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	2.67%	2.72%	2.02%	2.14%
1 tuần	-3.53%	-4.80%	-3.89%	-3.20%
1 tháng	-5.45%	-7.01%	2.67%	2.05%
3 tháng	-9.38%	-11.67%	0.49%	2.19%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,679.18	255.08	118.30
% 1D	2.02%	2.29%	-0.21%
GTKL (tỷ VND)	22,505	1,512	437
%1D	41.60%	21.10%	1.21%
GDNN (tỷ VND)	5.91	-35.84	-96.48

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
TCX	147.05	VIC	-166.82
MWG	113.27	VCB	-153.63
VIX	85.75	DGC	-122.22
BSR	83.15	VCK	-107.93
SSI	79.58	MSN	-61.12

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

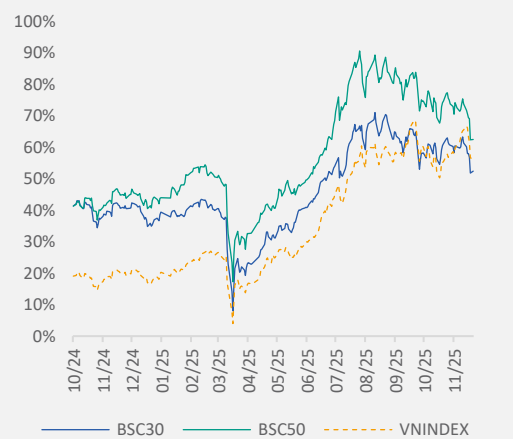
		%D	%W
SPX	6,817	-0.16%	-0.44%
FTSE100	9,751	-0.01%	1.13%
Eurostoxx	5,753	-0.01%	0.51%
Shanghai	3,825	-1.11%	-2.17%
Nikkei	49,383	-1.56%	-2.39%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	61.28	0.27%
Giá vàng	4,347	1.09%
Tỷ giá		
USD/VND	26,401	-0.02%
EUR/VND	31,671	0.03%
JPY/VND	173	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.1%	0.01%
LS LNH 1M	6.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

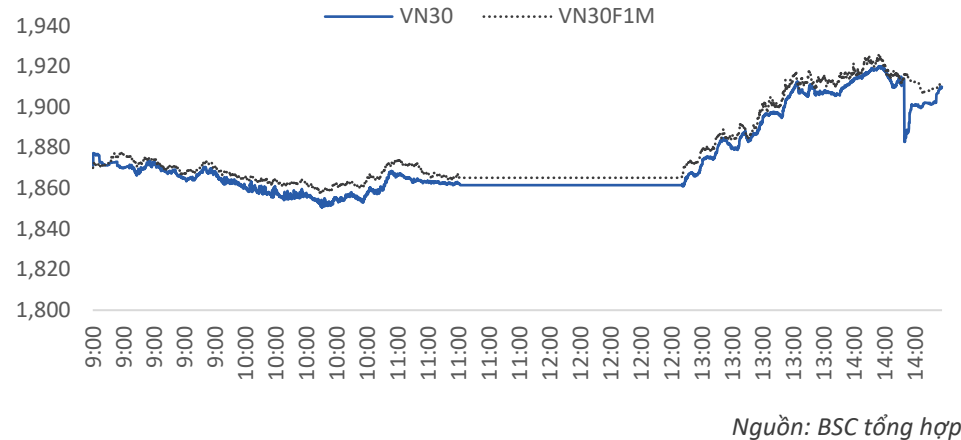
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G1000	1908.00	2.20%	6,851	71.2%	15/01/2026	30
41I1G6000	1912.00	2.88%	84	-15.2%	18/06/2026	184
VN30F2512	1912.60	2.36%	402,729	37.1%	18/12/2025	2
41I1G3000	1904.40	2.22%	161	41.23%	19/03/2026	93

Source: BSC

Nhận định

- VN30 +40.03 điểm, đóng cửa tại 1909.87 điểm. Biên độ dao động 69.60 điểm. Các cổ phiếu như MWG, HDB, LPB, HPG, VNM tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 đảo chiều trong phiên chiều và đóng cửa trong sắc xanh với thanh khoản nằm trên ngưỡng MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch tahnaj trọng trong phiên, chiến lược là long/short linh hoạt với phái sinh.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ 41I1G6000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CHDB2507	9/03/2026	83	457,000	14.30%	31.20	1,830	53.8%	0.86	36.69	32.10	32.10
CTCB2510	23/12/2025	7	215,600	-0.51%	30.20	900	52.5%	0.97	32.83	33.00	33.00
CVPB2529	9/02/2026	55	14,700	34.62%	37.80	230	43.8%	0.02	38.03	28.25	28.25
CSTB2511	19/12/2025	3	7,800	0.23%	45.00	540	35.0%	0.54	47.16	47.05	47.05
CVRE2519	3/06/2026	169	200	27.02%	30.00	1,900	33.8%	0.78	37.60	29.60	29.60
CFPT2523	25/03/2026	99	92,300	28.07%	116.59	200	33.3%	0.03	121.53	94.90	94.90
CTCB2519	9/03/2026	83	151,800	34.00%	43.30	460	31.4%	0.06	44.22	33.00	33.00
CMWG2514	23/12/2025	7	29,200	0.08%	63.09	3,850	28.3%	3.85	82.07	82.00	82.00
CSTB2534	9/02/2026	55	700	53.20%	71.70	190	26.7%	0.00	72.08	47.05	47.05
CSTB2531	9/03/2026	83	631,700	30.29%	60.10	400	25.0%	0.16	61.30	47.05	47.05
CMWG2521	25/03/2026	99	149,000	16.89%	91.00	970	24.4%	0.61	95.85	82.00	82.00
CVNM2510	12/01/2026	27	784,000	0.50%	56.32	1,110	23.3%	1.10	64.52	64.20	64.20
CVPB2526	25/06/2026	191	12,600	23.54%	32.60	1,150	22.3%	0.74	34.90	28.25	28.25
CMWG2523	9/03/2026	83	312,500	4.78%	74.60	2,830	22.0%	2.56	85.92	82.00	82.00
CTCB2516	25/03/2026	99	119,800	40.37%	45.20	230	21.1%	0.02	46.32	33.00	33.00
CFPT2524	25/06/2026	191	20,700	34.47%	117.47	410	20.6%	0.08	127.61	94.90	94.90
CFPT2508	5/02/2026	51	22,700	44.78%	136.57	120	20.0%	0.00	137.39	94.90	94.90
CSTB2529	25/03/2026	99	438,300	40.49%	65.50	300	20.0%	0.13	66.10	47.05	47.05
CSTB2535	11/05/2026	146	4,500	53.92%	71.70	240	20.0%	0.10	72.42	47.05	47.05
CTCB2518	23/02/2026	69	1,142,700	11.59%	35.07	900	20.0%	0.62	36.82	33.00	33.00

Source: BSC

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 16/12/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.
- CHDB2507 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 53.78%. CMBB2511 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 4.51%.
- CVHM2521, CVRE2526, CVRE2525, CVHM2524, CVHM2523 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2508, CVIC2511, CVIC2513, CVIC2514 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
MWG	82.00	5.53%	7.96
HDB	32.10	7.00%	4.10
LPB	44.45	3.86%	3.39
HPG	26.70	1.71%	3.05
VNM	64.20	3.55%	3.01

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
DGC	86.50	-6.99%	-2.18
BCM	64.80	-0.77%	-0.03

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPL	84.30	6.98%	2.46	1.79
VHM	95.00	2.70%	2.46	4.11
HDB	32.10	7.00%	2.02	3.86
TCB	33.00	3.13%	1.71	7.09
CTG	51.00	2.62%	1.68	5.37

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HUT	16.50	7.84%	0.79	1.07
CEO	22.90	9.57%	0.72	0.57
SHS	21.40	5.42%	0.60	0.90
MBS	27.30	3.41%	0.35	0.66
NVB	13.70	2.24%	0.34	1.92

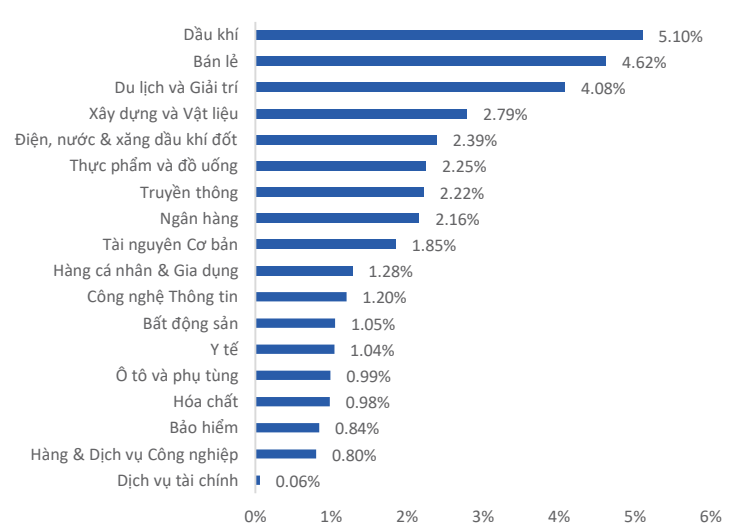
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HDB	32.10	7.00%	1.91	22.03
VPL	84.30	6.98%	2.32	1.39
GEX	40.70	6.96%	0.56	17.88
EIB	21.55	6.95%	0.61	11.69
BSR	15.40	6.94%	1.18	16.72

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CEO	22.90	9.57%	4.69	17.74
KSD	4.70	9.30%	0.02	0.00
PTD	9.40	9.30%	0.02	0.00
GLT	21.10	8.21%	0.06	0.00
PGT	6.60	8.20%	0.02	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCK	50.80	-15.33%	-2.70	1.48
DGC	86.50	-6.99%	-0.54	0.38
GEE	166.20	-2.69%	-0.38	0.37
BCM	64.80	-0.77%	-0.12	1.04
KOS	36.50	-5.19%	-0.10	0.22

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	96.30	-9.83%	-1.09	0.20
DTK	11.90	-3.25%	-0.15	0.68
BTW	54.00	-10.00%	-0.03	0.01
TMB	52.20	-6.12%	-0.03	0.02
NFC	57.00	-3.39%	-0.02	0.02

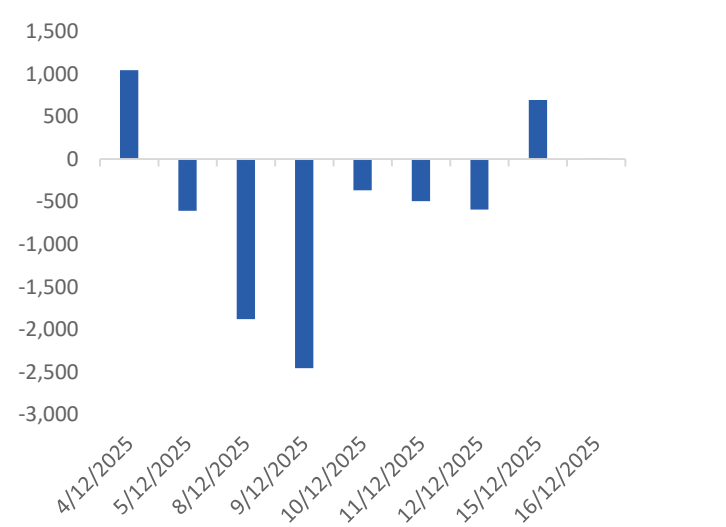
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DGC	86.50	-6.99%	-0.50	18.58
HALCOM	7.32	-6.99%	-0.01	0.11
BBC	63.10	-6.93%	-0.02	0.00
QCG	17.50	-6.91%	-0.07	0.31
STG	31.40	-6.82%	-0.05	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TSB	32.00	-9.86%	-0.08	0.02
KSV	96.30	-9.83%	-7.15	0.14
ATS	26.80	-9.76%	-0.03	0.00
QST	26.80	-9.76%	-0.03	0.00
VTC	16.20	-9.50%	-0.03	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	82.0	5.5%	1.3	120,413	685.4	3,956	20.7	100,800	46.5%	Link
KBC	Bất động sản	34.5	4.2%	1.1	32,491	87.7	1,872	18.4	46,000	10.2%	Link
KDH	Bất động sản	31.6	6.8%	1.1	35,462	272.8	857	36.9	39,900	27.5%	Link
PDR	Bất động sản	19.5	2.6%	1.5	19,106	266.4	211	92.4	28,200	8.6%	Link
VHM	Bất động sản	95.0	2.7%	1.3	390,204	526.8	6,133	15.5	119,600	8.8%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	94.9	1.2%	0.8	161,663	591.3	5,280	18.0	118,700	39.1%	Link
BSR	Dầu khí	15.4	6.9%	0.0	77,112	252.7	413		23,200	0.6%	Link
PVS	Dầu khí	32.1	3.6%	1.4	16,417	133.8	2,841	11.3	42,800	13.3%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.4	3.3%	1.3	25,271	329.0	1,366	17.1		34.4%	
SSI	Dịch vụ tài chính	30.3	6.5%	1.1	75,356	958.3	1,872	16.2		32.1%	
VCI	Dịch vụ tài chính	34.2	2.6%	1.0	24,713	329.3	1,589	21.5		15.0%	
DCM	Hóa chất	32.5	1.1%	1.2	17,179	50.8	3,578	9.1	47,300	3.6%	Link
DGC	Hóa chất	86.5	-7.0%	1.3	32,851	1619.1	8,296	10.4	109,300	10.7%	Link
ACB	Ngân hàng	24.0	1.9%	0.9	123,280	233.8	3,385	7.1	28,400	28.7%	Link
BID	Ngân hàng	37.4	1.1%	1.0	262,599	76.7	3,781	9.9	49,500	17.1%	Link
CTG	Ngân hàng	51.0	2.6%	1.0	273,870	765.8	6,208	8.2	53,500	25.6%	Link
HDB	Ngân hàng	32.1	7.0%	1.0	123,887	684.8	3,641	8.8	34,400	23.6%	Link
MBB	Ngân hàng	24.5	3.0%	1.1	196,945	517.3	3,017	8.1	29,300	21.1%	Link
MSB	Ngân hàng	12.5	2.0%	1.1	39,000	40.5	1,729	7.2	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	47.1	0.5%	0.9	88,699	305.1	6,519	7.2		14.3%	
TCB	Ngân hàng	33.0	3.1%	1.1	233,846	465.2	3,111	10.6	41,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	16.8	2.8%	1.1	46,604	177.1	2,358	7.1	-	24.6%	Link
VCB	Ngân hàng	56.9	0.2%	0.8	475,438	361.3	4,202	13.5	73,200	21.2%	Link
VIB	Ngân hàng	17.6	2.3%	0.9	59,740	93.1	2,225	7.9	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	28.3	2.7%	1.1	224,133	522.5	2,603	10.9	35,650	24.4%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.7	1.7%	1.0	204,935	805.2	1,876	14.2	33,170	19.8%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	15.9	3.3%	1.0	9,874	49.8	1,178	13.5	19,800	4.5%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	28.0	0.9%	1.1	10,757	151.6	4,150	6.7	28,800	2.4%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	74.5	1.4%	1.1	107,721	363.2	2,196	33.9	98,300	22.7%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	64.2	3.6%	0.6	134,175	458.3	4,160	15.4	64,500	50.5%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	40.3	4.95%	1.3	8,913	64.7	2,410	16.7	23.0%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	142.6	1.78%	1.1	24,285	114.0	3,620	39.4	32.1%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	53.4	1.33%	1.1	39,640	23.3	3,578	14.9	26.8%	11.3%	
DIG	Bất động sản	18.0	2.87%	1.3	14,296	275.7	505	35.5	3.8%	4.4%	
DXG	Bất động sản	17.3	5.83%	1.2	19,189	285.3	400	43.1	19.0%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	24.5	2.73%	1.1	4,894	88.0	3,057	8.0	2.9%	25.2%	
HDG	Bất động sản	29.1	3.56%	1.3	10,766	114.7	938	31.0	20.8%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	37.0	2.49%	1.3	14,041	54.0	4,849	7.6	11.3%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	32.2	3.21%	1.2	15,623	115.6	2,131	15.1	45.2%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	52.2	0.19%	1.0	12,638	19.7	5,474	9.5	3.1%	28.2%	
SZC	Bất động sản	30.0	2.57%	0.9	5,391	11.6	1,763	17.0	2.5%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	19.0	5.85%	1.4	17,330	182.0	801	23.7	12.4%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	142.9	0.00%	1.4	1,101,192	1606.8	1,147	124.6	3.5%	6.2%	Link
VRE	Bất động sản	29.6	2.42%	1.3	67,261	226.3	2,144	13.8	13.7%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	35.6	1.28%	1.1	7,527	7.6	1,833	19.4	38.2%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	34.4	1.47%	0.7	43,708	54.2	2,090	16.5	14.7%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	25.9	6.82%	0.8	14,369	233.6	1,602	16.1	9.0%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	32.5	2.20%	1.3	11,261	33.9	1,262	25.7	24.8%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	27.3	3.41%	1.8	17,982	136.2	1,668	16.4	4.4%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	64.3	3.54%	0.9	155,153	55.5	5,014	12.8	1.8%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.4	3.33%	0.9	38,041	242.7	681	18.2	4.2%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.6	0.48%	0.8	33,908	22.4	4,776	13.1	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	191.5	2.96%	0.6	113,294	295.9	2,897	66.1	7.2%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	40.7	6.96%	1.2	36,728	679.3	2,313	17.6	7.4%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	58.9	0.68%	1.0	25,121	49.1	3,499	16.8	42.2%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	58.0	2.84%	0.7	9,794	72.4	6,185	9.4	7.1%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.4	2.80%	0.9	8,623	45.5	2,090	8.8	9.3%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	99.3	0.91%	0.0	12,093	39.6	3,139	31.6	4.7%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	92.4	1.65%	0.8	31,522	74.0	6,915	13.4	48.9%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	27.0	1.69%	0.8	3,025	41.3	2,535	10.7	48.4%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.4	2.79%	1.4	2,369	11.2	2,865	6.4	16.6%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	22.4	1.82%	1.0	15,196	48.7	1,212	18.4	3.5%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	26.5	3.52%	1.2	106,000	49.7	1,569	16.9	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	21.6	6.95%	1.2	40,142	234.6	1,635	13.2	2.8%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	44.5	3.86%	0.5	132,785	93.3	3,469	12.8	0.9%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.3	1.42%	0.0	24,534	17.3	2,337	6.1	1.6%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.0	2.13%	0.9	31,957	15.8	1,460	8.2	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.0	2.74%	1.1	6,714	65.0	571	26.3	4.8%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	27.3	2.64%	1.3	7,255	38.4	2,829	9.6	4.3%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	36.0	1.41%	0.7	10,945	111.1	1,715	21.0	3.1%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	51.7	2.38%	0.9	66,308	106.1	3,373	15.3	58.6%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	55.0	0.36%	1.0	12,345	63.3	6,944	7.9	19.6%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	177.6	1.31%	0.5	14,539	52.1	14,639	12.1	85.1%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	80.0	1.52%	1.1	8,114	60.5	6,560	12.2	49.0%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	83.8	0.96%	1.1	9,586	21.2	5,128	16.3	5.0%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	41.7	1.71%	1.0	4,203	27.9	3,037	13.7	5.6%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.0	3.33%	1.2	6,939	64.9	1,106	12.6	9.6%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.5	5.90%	0.8	9,233	129.2	1,377	16.3	12.4%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	23.5	2.62%	1.0	15,192	126.9	6,148	3.8	4.6%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	41.6	3.74%	1.3	18,651	20.8	3,090	13.5	2.6%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
3	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
4	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
5	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
7	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
15	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
16	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
17	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>